

Số: 106/ĐĐBQH -VP
V/v tổng hợp trả lời kiến nghị cử tri
của các Bộ, ngành

Điện Biên, ngày 3 tháng 10 năm 2014

Kính gửi:

- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên;
- Các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Kế hoạch - Đầu tư; Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tóa án nhân dân tỉnh; Công an tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Điện Biên Phủ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Trong đợt tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên đã tổng hợp các ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương, báo cáo đề Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương xem xét giải quyết. Đến nay, Đoàn đã nhận được trả lời của các Ủy ban của Quốc hội và một số Bộ, Ngành Trung ương về các kiến nghị của cử tri tỉnh Điện Biên, Đoàn tổng hợp như sau:

I. ỦY BAN DÂN TỘC

1. Kiến nghị: *Mức hỗ trợ phát triển sản xuất dưới 3.000.000 đồng/hộ cho hộ nghèo và cận nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới...theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ là quá thấp, để có thể xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả. Đề nghị xem xét, nâng mức hỗ trợ này lên mức 5.000.000 triệu đồng/hộ mới có thể đảm bảo thực hiện.*

Trả lời: Mức hỗ trợ đầu tư của Quyết định 551/QĐ-TTg được xây dựng trên cơ sở khảo sát, tổng hợp nhu cầu thực tế của các địa phương đồng thời cân đối nguồn ngân sách Trung ương. Do vậy, trong giai đoạn 2012-2015, mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định số 551/QĐ-TTg sẽ thực hiện với mức 3 triệu đồng/hộ. Trong thời gian tới, trên cơ sở nghiên cứu, tổng hợp tình hình thực tế, Ủy ban Dân tộc sẽ phối hợp với Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu mức hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất cho phù hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Kiến nghị: Đề nghị nâng mức vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn lên 20 triệu đồng.

Trả lời: Ngày 1/2/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg về Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn với định mức vay 8 triệu đồng/hộ với mức lãi suất 0,1%/tháng (1,2%/năm). Ngoài ra, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn còn được vay vốn theo Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác với mức tối đa là 50 triệu đồng, lãi suất 0,6%/tháng. Vì vậy, một hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được hỗ trợ cho vay với mức tối đa là 58 triệu đồng khi có nhu cầu phát triển sản xuất. Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg sẽ hết hiệu lực vào năm 2015, sau năm 2015 Ủy ban Dân tộc sẽ tham mưu cho Chính phủ ban hành Chính sách mới với định mức cho vay phù hợp với nhu cầu của người dân, đáp ứng giá cả tại thời điểm ban hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

II. BỘ TÀI CHÍNH

Kiến nghị: Mức thu phí đối với các phương tiện giao thông đường bộ theo Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính là thiếu công bằng giữa các vùng (vùng núi đường xấu, nhưng mức nộp phí vẫn bằng các loại phương tiện cùng loại dưới đồng bằng), mức thu cao so với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập người dân, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đề nghị xem xét, điều chỉnh mức thu phí đường bộ đối với các phương tiện giao thông theo khu vực để đảm bảo công bằng, phù hợp với điều kiện kinh tế.

Trả lời: Tại Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện, quy định về phí xe mô tô như sau:

Xe có dung tích xy lanh đến 100cm³: Mức thu từ 50.000 - 100.000 đồng/năm;

Xe có dung tích xy lanh trên 100cm³: Mức thu từ 100.000 - 150.000 đồng/năm.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức phí cụ thể, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Đồng thời, tại Thông tư có quy định miễn phí đối với chủ xe mô tô thuộc hộ nghèo.

Hiện Bộ Tài chính đang nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 197/2012/TT-BTC. Theo đó, đối với xe mô tô, Thông tư quy định mức tối đa, không quy định mức sàn, cụ thể:

Xe có dung tích xy lanh đến 100cm³: Mức thu tối đa là 100.000 đồng/năm;

Xe có dung tích xy lanh trên 100cm³: Mức tối đa là 150.000 đồng/năm.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức phí cụ thể phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

Như vậy, mức thu phí được tính đến yếu tố vùng, miền khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức phí phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

III. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Kiến nghị: *Hiện nay, giáo viên mầm non phải dạy 2 buổi/ngày, đề nghị có văn bản hướng dẫn và có chế độ lên lớp 02 buổi/ngày đối với ngành học mầm non.*

Trả lời: Hiện nay, chế độ đối với giáo viên mầm non lên lớp 02 buổi/ngày được thực hiện theo các văn bản sau:

- Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non. Theo đó, đối với các giáo viên dạy các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo học 02 buổi/ngày, mỗi giáo viên dạy trên lớp đủ 06 giờ/ngày và thực hiện các công việc chuẩn bị cho giờ dạy trên lớp cũng như các công việc khác do Hiệu trưởng quy định để quy đổi đảm bảo làm việc 40 giờ/tuần; đối với các giáo viên dạy các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo học 01 buổi/ngày, mỗi giáo viên dạy trên lớp đủ 04 giờ/ngày và thực hiện các công việc chuẩn bị cho giờ dạy trên lớp cũng như các công việc khác do Hiệu trưởng quy định để quy đổi đảm bảo làm việc 40 giờ/tuần.

- Thông tư liên tịch số 50/2008/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 9/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập, trong đó có quy định về cách tính tiền lương thừa giờ cho giáo viên mầm non dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đang phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ khác nghiên cứu, rà soát các văn bản hiện hành để soạn thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Viên chức và Nghị định số 29/NĐ-CP quy định về số lượng, vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục mầm non làm căn cứ để sắp xếp và bố trí, sử dụng có chế độ đãi ngộ đội ngũ giáo viên mầm non theo đúng năng lực và khung thời gian làm việc.

2. Kiến nghị: *Theo Nghị định 74/2013/NĐ-CP, trẻ em mẫu giáo và học sinh, sinh viên có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn không thuộc diện hộ nghèo, sẽ không được miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập sẽ gây khó khăn cho việc huy động trẻ vùng sâu, vùng xa đến trường, đề nghị Chính phủ xem xét giữ nguyên đối tượng trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập như quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010.*

Trả lời: Căn cứ vào kiến nghị của đại biểu Quốc hội và cử tri các địa phương phản ánh về những bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ, sau khi thống nhất với các Bộ, ngành liên quan, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP.

Theo đó, quy định về miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách) thay cho việc miễn, giảm và hỗ trợ theo địa bàn (vùng miền) nhằm đảm bảo sự thống nhất về chính sách và phù hợp với Nghị quyết số 35/2009/NQ-QH12 của Quốc hội về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015.

Bộ Giáo dục và Đào tạo xin ghi nhận kiến nghị của cử tri. Thời gian tới, trong quá trình rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ soạn thảo Nghị định quy định chế độ học phí mới áp dụng từ năm học 2015-2016. Theo đó sẽ nghiên cứu bổ sung đối tượng hưởng chính sách như kiến nghị của cử tri phù hợp với điều kiện ngân sách nhà nước.

IV. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Kiến nghị: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính đẩy nhanh tiến độ thẩm định nguồn vốn các Dự án hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách trung ương, đáp ứng tiến độ theo thời gian quy định.

Trả lời: Thực hiện Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 7356/BKHĐT-TH ngày 28/10/2011 hướng dẫn thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đã nêu rõ quy trình và thời gian thẩm định các dự án đầu tư. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi nhận đủ hồ sơ thẩm định của các địa phương và Bộ, ngành, lấy ý kiến Bộ Tài chính. Bộ Tài chính có ý kiến tham gia rồi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, 7 ngày làm việc đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến thẩm định nguồn vốn và phần vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và Trái phiếu Chính phủ cho dự án trong vòng 40 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ thẩm định.

Thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện thẩm định các dự án đầu tư theo đúng quy trình và đảm bảo đúng thời gian quy định; đối với một số dự án nhóm C, có quy mô nhỏ, có thể rút ngắn thời gian thẩm định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận ý kiến của cử tri Điện Biên đề tiếp tục nghiên cứu, cải thiện tốt hơn quy trình, thủ tục thẩm định dự án đầu tư.

2. Kiến nghị: Đề nghị ưu tiên cân đối, bố trí nguồn vốn trái phiếu chính phủ để thi công hoàn thành các dự án dở dang do thiếu vốn giai đoạn 2016-2020.

Trả lời: Việc hoàn thành các Dự án TPCP dở dang đã có trong danh mục giai đoạn 2012-2015, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 65/2013/QH13 ngày

28/11/2013 về phát hành bổ sung và phân bổ vốn TPCP giai đoạn 2014-2016, theo đó giao Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành và các địa phương: Hoàn thành dứt điểm các dự án còn thiếu vốn dưới 100 tỷ đồng; các dự án đã hoàn thành trước 31/12/2013 còn thiếu vốn; bố trí theo tiến độ cho một số dự án quan trọng; các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014, 2015.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 184/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 về danh mục bổ sung vốn TPCP 2014-2016, về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án dở dang. Đối với các dự án còn lại đang còn thiếu vốn giai đoạn 2016-2020 như đề nghị của tỉnh, tại Nghị quyết 65 của Quốc hội đã chỉ rõ, các bộ ngành và địa phương tiếp tục huy động các nguồn vốn khác để hoàn thành dự án, công trình được bố trí vốn và chịu trách nhiệm bố trí vốn cho phần điều chỉnh tổng mức đầu tư do tăng quy mô. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng ghi nhận đề nghị của tỉnh và sẽ xem xét, tổng hợp báo cáo Thủ tướng quyết định khi có khả năng về nguồn vốn.

3. Kiến nghị: Đề nghị bố trí vốn hỗ trợ để thanh toán dứt điểm nợ đọng cho các dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, hiện đang bị đình hoãn và thi công đến điểm dừng kỹ thuật để không lãng phí vốn đầu tư.

Trả lời: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 về các giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng tại các địa phương, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý vốn đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách Nhà nước và Trái phiếu Chính phủ. Theo đó, yêu cầu các địa phương rà soát lại tình hình nợ đọng và các dự án bị đình hoãn và thi công đến điểm dừng kỹ thuật để có phương án xử lý nhằm tránh lãng phí vốn đầu tư; việc xử lý nợ đọng phải theo lộ trình. Bắt đầu từ năm 2013, đối với nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch hàng năm, phải ưu tiên bố trí để trả nợ cho các dự án hoàn thành còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp; chỉ cho phép khởi công mới sau khi đã bố trí xử lý nợ đọng theo kế hoạch; đối với nguồn cân đối ngân sách địa phương hàng năm phải dành 30% vốn kế hoạch để xử lý nợ đọng.

Luật đầu tư công đã được Quốc hội thông ngày 18/6/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Tại Điều 106, Luật đầu tư công quy định chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015. Tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về kế hoạch đầu tư công trong hạn 5 năm 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2014. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương ưu tiên bố trí kế hoạch vốn năm 2015 và kế hoạch 5 năm 2016-2020 để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng ý với đề nghị của cử tri, sẽ thực hiện đầy đủ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị nêu trên. Đề nghị cử tri tỉnh Điện Biên giám sát việc thực hiện xử lý nợ đọng tại các địa bàn tỉnh theo đúng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

4. Kiến nghị: Đề nghị xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp và vốn đầu tư để hỗ trợ tỉnh Điện Biên phát triển dịch vụ du lịch, đặc biệt là kinh phí cho quy hoạch phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho phát triển các loại hình du lịch; bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các đề án, chương trình văn hóa, thể thao, du lịch đã phê duyệt.

Trả lời: Về vốn đầu tư để hỗ trợ tỉnh Điện Biên phát triển dịch vụ du lịch, từ năm 2011 đến nay tỉnh Điện Biên đã được hỗ trợ từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu hạ tầng du lịch là 54 tỷ đồng cho các công trình phù hợp với quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg.

5. Kiến nghị: Đề nghị tiếp tục bố trí vốn đối ứng năm 2014 cho hai chương trình dự án ODA theo tiêu chí phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg, cụ thể:

Chương trình tín dụng chuyên ngành JICA SPL VI của tỉnh Điện Biên đang trong giai đoạn cuối của Hiệp định, còn thiếu vốn đối ứng ngân sách Trung ương 25,2 tỷ đồng, vì phần lớn các dự án đều là tiếp chi và đã được thanh toán 100% vốn JICA;

Chương trình hỗ trợ ODA Na Uy: hỗ trợ đầu tư dự án thu gom và xử lý nước thải thành phố Điện Biên Phủ, dự kiến khởi công năm 2014, nhu cầu vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương năm 2014 là 5 tỷ đồng.

Trả lời: Theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015, các dự án trên thuộc đối tượng ngân sách Trung ương hỗ trợ vốn đối ứng của dự án theo tỷ lệ 90%.

Tại Nghị quyết 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội, đã phân bổ vốn TPCP để đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA giai đoạn 2014-2016. Căn cứ vào khả năng nguồn vốn đối ứng kế hoạch năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổng hợp vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA của tỉnh Điện Biên thuộc lĩnh vực quản lý của địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét. Trên cơ sở nguồn vốn được cấp đề nghị tỉnh Điện Biên phân bổ cho các dự án nhằm huy động vốn của nhà tài trợ theo tiến độ và bảo đảm đúng quy định tại Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

V. BỘ TƯ PHÁP

Kiến nghị: Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt rộng, dễ dẫn đến thiếu khách quan trong công tác xét xử, đề nghị xem xét sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng giảm khoảng cách trong khung hình phạt.

Trả lời: Thực hiện Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/6/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng Luật và pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật và Pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XIII, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành soạn thảo dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) và Bộ Luật Dân sự (sửa đổi).

Về việc sửa đổi Bộ luật Hình sự: Thời gian qua, để chuẩn bị cho việc xây dựng dự án Bộ Luật Hình sự (sửa đổi), Bộ Tư pháp đã thực hiện việc khảo sát thực tiễn, tổ chức các hội thảo khoa học và đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo về thực tiễn thi hành Bộ luật. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã tổng hợp các vấn đề được nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Bộ luật này. Bộ Tư pháp nhận thấy, các kiến nghị của cử tri liên quan đến việc sửa đổi Bộ luật Hình sự như đã nêu trên là những vấn đề được nhiều Bộ, ngành và địa phương quan tâm.

Trên cơ sở kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự, Bộ Tư pháp đã báo cáo Chính phủ cho ý kiến về những định hướng lớn xây dựng Dự án Bộ luật này tại phiên họp Chính phủ tháng 3 năm 2014 và hiện đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng Dự thảo Bộ Luật. Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tiếp thu một cách nghiêm túc các đề xuất, kiến nghị của cử tri và mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến góp ý của cử tri đối với dự thảo Bộ luật quan trọng này.

VI. TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Kiến nghị: Thời gian vừa qua báo chí và truyền hình đưa tin về các vụ án oan sai được cử tri đặc biệt quan tâm. Đề nghị tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhằm giảm thiểu tối đa các vụ án oan sai. Đồng thời, cần phải quy trách nhiệm cho những cá nhân để xảy ra những oan sai đó.

Trả lời: Trong năm 2013, các Tòa án nhân dân giải quyết được 364,819 vụ án các loại trong tổng số 395.415 vụ án đã thụ lý (đạt tỷ lệ 92,3%). Trong 6 tháng đầu năm 2014 (từ ngày 01/10/2013 đến 31/3/2014), các Tòa án đã giải quyết 158.124 vụ án trong tổng số 243.180 vụ án đã thụ lý (đạt tỷ lệ 65%, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước). Mặc dù số lượng các loại vụ án trong năm 2013 tăng gần 35.000 vụ so với cùng kỳ năm trước; số lượng các loại án trong 6 tháng đầu năm 2014 tăng 12.531 vụ so với cùng kỳ năm trước, với tính chất các vụ án ngày càng phức tạp, phát sinh một số hành vi phạm tội và tranh chấp mới, nhưng với việc chủ động nắm bắt tình hình, đề ra nhiều giải pháp hữu hiệu và tổ chức thực hiện quyết liệt, nên công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án tiếp tục có sự chuyển biến tích cực, chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án tiếp tục được đảm bảo và có những tiến bộ nhất định; tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan năm 2013 giảm hơn 0,12% so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Tòa án trong 6 tháng đầu năm 2014 là 1,7%; tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa lỗi do chủ quan của Tòa án giảm 0,05% so với cùng kỳ năm trước. Việc xử lý các vụ án hình sự về cơ bản đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với các bị cáo đảm bảo đúng pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay; chưa phát hiện trường hợp nào xét xử trong năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 kết án oan người không có tội; việc giải quyết các vụ việc dân sự và vụ án hành chính đã bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Bên cạnh các thành tích đã đạt được, cùng còn tồn tại một số khuyết điểm, thiếu sót nhất định, trong đó, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa lỗi do chủ quan của Thẩm phán chưa giảm mạnh.

Việc các bản án, quyết định bị hủy so lỗi chủ quan của Thẩm phán có nguyên nhân là do một số Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, còn hạn chế về năng lực, trình độ, bản lĩnh nghề nghiệp; một số trường hợp việc nghiên cứu hồ sơ vụ án chưa kỹ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, áp dụng pháp luật chưa chính xác... Trong công tác xét xử các vụ án hành chính, phần lớn các Thẩm phán còn hạn chế về kiến thức quản lý kinh tế, quản lý xã hội; còn có Thẩm phán có biểu hiện ngại va chạm với đối với cơ quan hoặc người có thẩm quyền đã có quyết định hoặc hành vi hành chính bị khởi kiện, phần lớn là các Thẩm phán Tòa án cấp huyện khi xét xử các vụ án liên quan tới quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động nghiệp vụ tại một số Tòa án địa phương thực hiện chưa tốt nên chưa kịp thời phát hiện để uốn nắn, rút kinh nghiệm về các sai sót nghiệp vụ của cán bộ, Thẩm phán.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xét xử, tránh để oan sai, bỏ lọt tội phạm, các giải pháp cần tập trung thực hiện trong thời gian tới là:

- Tăng cường tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm để các bên thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Pháp luật, đặc biệt là nghĩa vụ chứng minh, xác định sự thật khách quan của vụ án, các vấn đề pháp lý tranh chấp cần giải quyết trong vụ án. Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của họ tiếp cận công lý, giao nộp tài liệu, chứng cứ, tiếp cận, nghiên cứu hồ sơ vụ án và tham gia các phiên tòa. Kết luận về vụ án phải phù hợp với tình tiết, sự kiện khách quan của vụ án. Phán quyết của Tòa án phải trên cơ sở pháp luật và các tình tiết, chứng cứ, lập luận đã được kiểm tra, xem xét, kết luận toàn diện, đầy đủ tại phiên tòa. Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa phải đảm bảo thực sự khách quan, minh bạch và công bằng, không được thiên vị và định kiến. Các vấn đề về nội dung và tố tụng giải quyết vụ án phải được xem xét toàn diện, đầy đủ, không được bỏ sót bất cứ vấn đề pháp lý hoặc tình tiết, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Trường hợp tài liệu điều tra thể hiện bị cáo không nhận có hành vi phạm tội, trừ trường hợp phạm tội bị bắt quả tang, tại phiên tòa bị cáo kêu oan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và được trình bày tại phiên tòa có mâu thuẫn với nhau nhưng không thể làm rõ và kết luận được tại phiên tòa thì Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung, làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Cần tập trung làm tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức. Theo đó cần đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng loại đối tượng công chức và loại hình học tập; có chính sách khuyến khích, động viên, hỗ trợ cho cán bộ, công chức tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Thường

xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo chuyên đề, tập trung vào những vấn đề vướng mắc trong thực tiễn xét xử và các quy định mới của pháp luật.

- Thường xuyên thực hiện việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng xét xử cho đội ngũ Hội thẩm nhân dân; phối hợp ban hành quy định về trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân và cơ quan, đơn vị nơi Hội thẩm nhân dân công tác trong việc bố trí thời gian để Hội thẩm nhân dân tham gia công tác xét xử theo yêu cầu của Tòa án.

- Nâng cao trình độ lý luận chính trị, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức Tòa án nhân dân các cấp, nhất là đội ngũ Thẩm phán.

- Chú trọng làm tốt công tác tổng kết thực tiễn xét xử, trên cơ sở đó tích cực tham gia hoàn thiện hệ thống pháp luật đặc biệt là việc hoàn thiện mô hình tổ tụng hình sự, đảm bảo xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan tiến hành tố tụng. Tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật và rút kinh nghiệm công tác xét xử. Khi đơn vị có bản án, quyết định bị hủy, sửa lỗi do chủ quan của Thẩm phán thì lãnh đạo Tòa án đó phải tiến hành ngay việc rút kinh nghiệm đối với Hội đồng xét xử. Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật. Xem xét thành lập Hội đồng lựa chọn các quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao mang tính chuẩn mực về áp dụng pháp luật, chứa đựng nhiều nội dung hướng dẫn áp dụng pháp luật để đưa ra tham khảo ý kiến bình luận của các chuyên gia pháp luật trong và ngoài ngành và tập hợp thành các "Tập án mẫu" để các Tòa tham khảo, vận dụng trong quá trình giải quyết, xét xử các loại vụ án.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra kỷ luật công vụ. Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân Thẩm phán và Hội đồng xét xử đối với những sai sót do lỗi chủ quan. Những trường hợp Thẩm phán xét xử oan người không có tội hoặc bỏ lọt tội phạm thì phải kiểm điểm nghiêm khắc, làm rõ trách nhiệm của Thẩm phán, trường hợp do thiếu tinh thần trách nhiệm do năng lực yếu kém thì phải bị miễn nhiệm hoặc không được bổ nhiệm lại chức danh Thẩm phán.

- Tăng cường công tác giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với các Tòa án cấp dưới, kịp thời phát hiện để uốn nắn, rút kinh nghiệm trong từng đơn vị cũng như toàn ngành về những sai sót trong hoạt động xét xử. Những vụ án mà bị cáo kêu oan thì phải kịp thời xem xét một cách thận trọng, kỹ càng, toàn diện cả về chứng cứ buộc tội và gỡ tội, đảm bảo không để xảy ra oan sai, nhưng cũng không để lọt tội phạm. Tất cả các vụ án hình sự lớn, trọng điểm dư luận xã hội quan tâm, các vụ án về tham nhũng, các vụ án mà bị cáo bị kết án với mức hình phạt cao nhất và những vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại có giá trị tranh chấp lớn hoặc có tính chất phức tạp, quá trình giải quyết có khiếu nại, tranh chấp kéo dài thì phải được Tòa án chủ động kiểm tra theo trình tự kiểm tra giám đốc việc xét xử, không đợi có đơn đề nghị của đương sự thì mới xem xét.

- Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, kết hợp với việc thực hiện cuộc vận động "Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo

đức, lối sống của đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân", gắn với phong trào thi đua "Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư" với phương châm "gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân". Tiếp tục thực hiện việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, khắc phục những tồn tại, khuyết điểm sau khi kiểm điểm tự phê bình của cán bộ, đảng viên ngành Tòa án theo tinh thần Nghị quyết TW 4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay".

Về vấn đề trách nhiệm của các cá nhân để xảy ra vụ án oan sai, quan điểm của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao là phải xác định rõ trách nhiệm của các cá nhân để xảy ra oan sai. Nếu hành vi của người tiến hành tố tụng gây ra án oan sai là do lỗi cố ý, có dấu hiệu của tội phạm (ví dụ: Hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án dẫn đến việc kết án oan người không có tội, bỏ lọt tội phạm hay các hành vi bức cung, nhục hình), ngoài việc làm ảnh hưởng đến trật tự hoạt động tư pháp, còn xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân, tính mạng, danh dự nhân phẩm, công ăn việc làm của người bị oan đồng thời còn ảnh hưởng tới gia đình, dòng tộc của họ, thì cần kiên quyết xử lý bằng biện pháp hình sự. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp dẫn đến việc làm oan người không có tội, quan điểm của Tòa án nhân dân tối cao là phải xem xét, xử lý nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật đối với hành vi sai phạm đó, áp dụng triệt để các nguyên tắc của luật tố tụng hình sự, đưa ra xét xử công khai, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa để làm rõ các hành vi sai phạm của các bị cáo, trên cơ sở đó sẽ ra bản án nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với những trường hợp Thẩm phán xét xử oan người không có tội hoặc bỏ lọt tội phạm mà sai sót do lỗi chủ quan thì phải kiểm điểm nghiêm khắc, làm rõ trách nhiệm của Thẩm phán, trường hợp do thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc do năng lực yếu kém thì phải bị miễn nhiệm, cách chức hoặc không được bổ nhiệm lại chức danh Thẩm phán. Những Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy hoặc sửa do sai lầm nghiêm trọng, cho bị cáo hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật thì phải bị kiểm điểm, đánh giá về năng lực, trình độ và tinh thần trách nhiệm, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị chuyển sang làm công tác khác hoặc khi hết nhiệm kỳ, Chánh án tạm dừng không tái bổ nhiệm từ 6 tháng đến 01 năm để tiếp tục kiểm điểm, rút kinh nghiệm, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

VII. BỘ CÔNG AN

Kiến nghị: Thời gian vừa qua báo chí và truyền hình đưa tin về các vụ án oan sai được cử tri đặc biệt quan tâm. Đề nghị tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhằm giảm thiểu tối đa các vụ án oan sai. Đồng thời, cần phải quy trách nhiệm cho những cá nhân để xảy ra những oan sai đó.

Trả lời: Thời gian gần đây, nhất là sau vụ ông Nguyễn Thanh Chấn ở thôn Me, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, trên phương tiện thông tin truyền thông đăng tải thông tin về một số vụ án có oan sai. Việc các cơ quan báo chí phản ánh về các vụ án có oan, sai đã và đang góp phần tích cực trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Mặc dù, số vụ án oan, sai chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong tổng số các vụ án điều

tra, xét xử và tỉ lệ ngày càng giảm, nhưng hậu quả của các vụ án oan, sai đã làm tổn hại đến tinh thần, sức khỏe, tài sản, danh dự của công dân, ảnh hưởng đến niềm tin của người dân đối với các cơ quan chức năng, trong đó có cơ quan điều tra của Công an nhân dân. Từng vụ án có oan, sai có nguyên nhân cụ thể khác nhau, thực tế cho thấy thường do những nguyên nhân sau: (1) Điều tra viên có tư tưởng thành tích, chỉ tập trung thu thập chứng cứ buộc tội, chưa chú trọng thu thập chứng cứ gỡ tội. (2) Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật của một số điều tra viên còn hạn chế, quan liêu, thiếu trách nhiệm, chủ quan trong quá trình điều tra vụ án. (3) Quan hệ phối hợp giữa điều tra viên và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án hình sự có nơi, có lúc chưa chặt chẽ.

Theo quy định của pháp luật, thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên trực tiếp thụ lý vụ án là những người phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra oan, sai. Với trách nhiệm chỉ đạo, quản lý hoạt động của các cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, để phòng ngừa, ngăn chặn oan sai trong công tác điều tra, xử lý tội phạm, Bộ Công an đã và đang chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm sau:

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về "Chiến lược Cải cách Tư pháp đến năm 2020"; Thông tư số 70/TT-BCA, ngày 10/10/2011 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự liên quan đến việc đảm bảo quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự; Chỉ thị số 08/2005/CT-BCA-V19, ngày 10/10/2005 của Bộ Công an về việc khắc phục tình trạng làm oan người vô tội trong các vụ án hình sự và xử lý trách nhiệm đối với cán bộ công an có liên quan; Chỉ thị số 06/2008/CT-BCA-V11, ngày 09/7/2008 của Bộ Công an về khắc phục sơ hở, thiếu sót, chấn chỉnh sai phạm trong công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm của lực lượng Công an nhân dân; Chỉ thị số 12/CT-BCA, ngày 28/9/2011 của Bộ Công an về tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, ngăn chặn, chấn chỉnh, xử lý vi phạm và các hiện tượng tiêu cực trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân...

- Tăng cường công tác giáo dục, đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm cho thủ trưởng, phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và điều tra viên trong hoạt động điều tra, phòng, chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp; gắn trách nhiệm của cá nhân đối với từng chức danh điều tra viên, đặc biệt là người đứng đầu Cơ quan điều tra. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phòng, chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp của lực lượng Công an nhân dân và Đề án đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho lực lượng Cảnh sát điều tra.

- Kiểm tra, hướng dẫn chỉ đạo hoạt động điều tra cấp trên đối với Cơ quan điều tra cấp dưới. Cơ quan điều tra và điều tra viên phải chú trọng thu thập chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện đúng pháp luật. Thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điều tra vụ án hình sự. Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp, tăng cường kiểm sát hoạt động

điều tra để phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm trong hoạt động điều tra.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành, ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện thống nhất. Phối hợp với các Bộ, ngành chức năng đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua.

- Tiếp tục củng cố và tăng cường công tác xây dựng đội ngũ cán bộ điều tra, điều tra viên theo lộ trình từng bước bảo đảm đủ về số lượng, thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đầu tư kinh phí, trang thiết bị, lắp đặt camera tại phòng hỏi cung để giám sát hoạt động hỏi cung của điều tra viên.

VIII. BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Kiến nghị: Sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP nhằm nâng cao mức sinh hoạt cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn và Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, ngày 30/12/2013 Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trả lời:

1. Về Nghị định 136/2013/NĐ-CP.

Ngày 21/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó, đã điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp xã hội từ 180.000 đồng lên 270.000 đồng (tăng 1,5 lần) và điều chỉnh tăng các hệ số trợ cấp đối với một số nhóm đối tượng khó khăn như trẻ em, người cao tuổi nghèo cô đơn, đối tượng trong cơ sở bảo trợ xã hội. Với mức điều chỉnh này, phần nào giảm bớt khó khăn, đáp ứng được nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm cần thiết hàng ngày cho đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

Tuy nhiên, hiện nay có một số khó khăn nên Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 142/NQ-CP ngày 31/12/2013 thống nhất chưa thực hiện 136/2013/NĐ-CP. Trước mắt, tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại các Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP, 13/2010/NĐ-CP, 06/2011/NĐ-CP và Quyết định số 38/2004/QĐ-TTg. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 trong đó có dự toán ngân sách thực hiện 136/2013/NĐ-CP trình Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Về Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

Ngày 12/6/2014, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/8/2014.

2. Kiến nghị: Nghiên cứu thay đổi chính sách, chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang cho vay không tính lãi; thiết kế lại khung chính sách, dự án giảm nghèo theo hướng tập trung và phù hợp với từng vùng miền, theo khu vực thành thị, nông thôn để người nghèo dễ tiếp cận.

Trả lời: Ngày 22/4/2013, Ban Chỉ đạo Trung ương về giảm nghèo đã tổ chức Hội nghị giao ban trực tuyến với các địa phương sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 80/NQ-CP, tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh, Trưởng Ban chỉ đạo đã kết luận:

- Việc hỗ trợ của Nhà nước là cần thiết và quan trọng nhưng cần xác định xóa đói giảm nghèo là việc của bản thân người dân, phải làm cho bản thân người dân tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa để vươn lên thoát nghèo;

- Các Bộ, ngành tiếp tục tổ chức rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách giảm nghèo đảm bảo sự thống nhất, những chính sách phát huy hiệu quả tiếp tục duy trì, đẩy mạnh; các chính sách còn hạn chế, vướng mắc cần được khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế;

- Việc xây dựng các chính sách hỗ trợ mới cần theo hướng: mở rộng các chính sách hỗ trợ đối với hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; các chính sách cần được thiết kế theo nguyên tắc: hộ nghèo được ưu tiên nhất xong mới đến hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo. Trong đó, ưu tiên đối tượng hộ nghèo dân tộc thiểu số rất ít người đặc biệt khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo chung, hộ cận nghèo;

- Phân loại các nhóm đối tượng và có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với các nhóm đối tượng này; giảm dần các chính sách hỗ trợ trực tiếp (cho không) đối với một số nhóm cụ thể, đồng thời tăng dần các chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi để hỗ trợ phát triển sản xuất, học nghề, tạo việc làm, khuyến khích người nghèo tự vươn lên thoát nghèo.

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành, nhất là Bộ Tư pháp để triển khai ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức, rà soát hộ nghèo, bổ sung, sửa đổi hệ thống chính sách giảm nghèo theo hướng phù hợp, hiệu quả hơn như ý kiến cử tri đã nêu. Cùng với việc rà soát, ban hành chính sách hỗ trợ mới để khuyến khích hộ nghèo thoát nghèo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực cho chính người nghèo phát huy hết năng lực nội sinh trong công tác giảm nghèo, đồng thời tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra trong việc xác định hộ nghèo.

3. Kiến nghị: Hiện nay, một số người có công do không còn giấy tờ theo quy định nên chưa được hưởng chế độ đối với người có công với cách mạng, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp có cơ chế giải quyết chính sách cho các trường hợp trên.

Trả lời: Ngày 22/10/2012 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP hướng

dẫn xác nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ, Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2013.

Tính đến thời điểm hiện tại, đã có 27/63 tỉnh, thành phố báo cáo tình hình triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP, tiếp nhận tổng số 112 hồ sơ đề nghị xác nhận liệt sĩ, 396 hồ sơ thương binh. Bộ Quốc phòng cũng thông báo có khoảng 8.000 hồ sơ thuộc diện được xem xét, xác nhận.

Trên đây là trả lời của các Bộ, ngành Trung ương về những kiến nghị của cử tri tỉnh Điện Biên, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên gửi tới các cơ quan biết và thông báo cho cử tri trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTĐBQH;
- Lưu VT.

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TRƯỞNG ĐOÀN**



Lò Văn Muôn